

Động Đình Hồ - cội nguồn của tộc Việt

Trần Thị Vĩnh Tường

(Được khơi nguồn nhân nghe hoà thượng Thích Chơn Thành nhắc "Tổ quốc chúng ta từ Động Đình Hồ" trong đạo từ phát thanh trên đài Little Saigon Radio vào tháng 5.2007).

Hồ Động Đình ở đâu?

Ở miền Nam sông Dương Tử, hồ Động Đình hợp thành bởi nhiều hồ lớn. Mỗi năm vào mùa lũ nước sông Dương Tử chảy vào hồ, làm tăng diện tích hồ từ 2.800 km² đến 20.000 km². Quân Sơn, một đảo nằm giữa hồ có 72 đỉnh núi, rộng 1 km nổi tiếng với các loại trà thơm, hoa lá quý hiếm tươi tốt quanh năm. Cảnh đẹp thần tiên, nhiều truyện tích rất u linh chích quái, liêu trai chí dị. Từ hàng ngàn năm, nhắc đến Tiêu Tương Hồ Nam, là nhắc đến tiên cảnh Động Đình Hồ, đến "Bát cảnh Tiêu Tương" của vùng Giang Nam.



Hồ Động Đình (tài liệu từ Atlas)

Từ miền Hoa Bắc sa mạc, người thuộc chủng Hoa Hạ ào ào lưng ngựa triền miên chinh phục hết miền đất này đến miền đất khác. Người Hoa Bắc nổi tiếng với nhiều lý thuyết gia, nhưng văn chương rất khô khan. Trái lại, miền Nam sông Dương Tử, nhất là miệt Động Đình sông nước mây khói mơ màng, nổi tiếng nhất với hai con sông Tiêu và Tương chảy vào lòng hồ, đã là nguồn cảm hứng bất tận cho thơ văn, hội hoạ, âm nhạc...

"Ai có về bên bến sông Tương/ Nhấn người duyên dáng tôi thương/ Bao ngày ôm
mối tơ vương..." của nhạc sĩ Thông Đạt, hay *Kiều* của Nguyễn Du, "*Sông Tương
một giải nông sờ/ Bên trông đầu nọ bên chờ cuối kia*" cũng là sông Tương này.
Chữ *Tương*, tiếng Hẹ (Hakka) phát âm là "siong", tiếng Quảng Đông là "seong",
tiếng quan thoại là "xiāng".

Trong *Chinh phụ ngâm*, những vần thơ hết sức đẹp, cũng lấy cảnh sông nước Hồ
Động Đình:

*Chốn Hàm Dương chàng còn ngảnh lại
Bến Tiêu Tương thiếp hãy trông sang
Khói Tiêu Tương cách Hàm Dương
Cây Hàm Dương cách Tiêu Tương mấy trùng...*



Hình chụp **Tây Động Đình Hồ** (tư liệu của hoà
thượng Thích Chơn Thành, chùa Liên Hoa, Orange County,
California).

Hồ Động Đình trong truyền thuyết Hồng Bàng

Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*:

"Cứ theo tục truyền thì vua Đế Minh, cháu ba đời vua Thần Nông, đi tuần thú
phương Nam đến Ngũ Lĩnh (thuộc tỉnh Hồ Nam bây giờ) gặp một nàng tiên, lấy
nhau đẻ ra người con tên Lộc Tục.

Sau Đế Minh truyền ngôi lại cho con trưởng là Đế Nghi làm vua phương Bắc, và
phong Lộc Tục làm vua phương Nam, xưng là Kinh Dương Vương, quốc hiệu là
Xích Quỷ.

Bờ cõi nước Xích Quỷ bấy giờ phía Bắc giáp Động Đình Hồ (Hồ Nam), phía Nam
giáp nước Hồ Tôn (Chiêm Thành), phía Tây giáp Ba Thục (Tứ Xuyên), phía Đông
giáp bể Nam Hải...."

Nước Sở có từ bao giờ?

Khi truyền thuyết xuất hiện trong *Lĩnh Nam chích quái* thế kỷ 14, tất cả những địa danh, nhân danh từ Đế Minh, Lộc Tục, Xích Quỷ... đến Hồ Tôn, Hồ Bắc, Hồ Nam, Động Đình Hồ... là tên thuần Hán. Tất cả nằm tại địa bàn nước Sở, tức khu vực Động Đình Hồ.

Vương đầu tiên của người Việt là Kinh Dương Vương, có thể hiểu đó là "vương của châu Kinh và châu Dương"?

Đất Kinh, mang tên loại cỏ Kinh mọc thành bụi cao, đa số dân thuộc chi Âu, đại diện là Âu Cơ, đọc theo phát âm Mường và Quảng Đông là *Ngu Cơ*, ưa sống miền núi rừng. Bây giờ, địa bàn của châu Kinh là tỉnh Hồ Bắc.

Đất Dương có dân thuộc chi Lạc, đại diện là Lạc Long Quân, ưa sống miền biển. Địa bàn châu Dương gồm các tỉnh ven biển: Giang Tây, An Huy, Chiết Giang, và Giang Tô.

Cả hai đại chi Âu và Lạc, thuộc chủng Yueh/Việt. Mỗi đại chi lại có hàng trăm tiểu chi. Khoa nhân chủng học ngày nay gọi nhóm này là Austro-Asiatic = người châu Á phương Nam, khác với Mongoloid, người châu Á phương Bắc, chính là chủng Hoa Hạ.

Theo chính sử Trung Hoa, Châu Thành Vương (1042-1021 TCN) phong cho Hùng Dịch tước tử ở nước Sở, còn gọi là nước Kinh, để cai trị và ngăn chặn quấy phá của dân "man di" Yueh/Việt ở địa phương. Đây là lần đầu tiên người Trung Hoa thiết lập chế độ phong kiến (phong đất cho thuộc hạ, họ hàng). Đây cũng là lần đầu tiên người Hoa Bắc chính thức chinh phục miền đất phía Nam sông Dương Tử.

Trong 800 năm, từ đầu thế kỷ 11 TCN đến khi bị Tần Thủy Hoàng diệt năm 223 TCN, nhà họ Hùng đưa nước Sở từ một miền phen dậu thành một chư hầu hùng mạnh có lúc lấn cả thiên tử nhà Châu, và suýt trở thành "thủ lĩnh đại ca" của Xuân Thu Ngũ Bá.

Năm 740-689 TCN, khoảng đầu thời Xuân Thu, nhà Châu bắt đầu suy, nước Sở cường thịnh dù vẫn bị người Hoa Hạ chế diễu "Vua Sở như con khỉ biết đội mũ". Lãnh tụ của Sở là Hùng Thông tự ý xưng Vương, tức Sở Vũ Vương. Từ đó trở đi, tiếp theo hàng chục đời, lãnh tụ nước Sở bao giờ cũng có họ Hùng và tước Vương. Hùng Dịch, Hùng Thông, Hùng Sĩ, Hùng Cừ... chữ Hùng 雄 viết y hệt như trong "Hùng Vương" của Việt Nam.

Sau khi diệt các nước Việt nhỏ nhỏ chung quanh, năm 333 TCN nước Sở thôn tính thêm hai nước Việt rất lớn cũng thuộc chi Lạc ở ven biển: nước Ngô Việt (Câu Tiễn) và U Việt (Phù Sai). Tuy rất văn minh, đã đúc thuyền đồng, trống đồng, luyện thép (như hai nhà luyện kiếm nổi tiếng là Mạc Tà và Can Tương), nhưng chỉ lo đánh đấm và trả thù nhau nên bị Sở diệt.

“Quốc tịch” dân Sở

Đại thần/thuộc hạ của Châu Thành Vương đều là người chủng Hoa Hạ. Hai người Sở nổi tiếng, thi sĩ Khuất Nguyên, tác giả *Ly Tao*, và Hạng Võ, mà người Việt giới bình dân đều rành nhờ... tuồng cải lương Hồ Quảng *Hạng Võ biệt Ngu Cơ* – “*Tấm thân lấp biển vá trời/ Thanh gươm yên ngựa một đời dọc ngang*”. Tây Sở Bá Vương Hạng Võ người chủng Hoa Hạ, Ngu Cơ chủng Việt, chi Âu.

Không riêng gì Sở, dân “man di” miệt Nam Dương Tử đa số là Yueh/Việt. Nên khi hai nước Trịnh, nước Vệ có chiến tranh, quân dân hai bên leo lên mặt thành nói chuyện thả dàn, không cần thông dịch viên toà án. Sở không thèm ghi xem bọn dân đen nói chuyện chi. Mời nhau ăn một miếng trầu, rủ rê xuống ruộng dâu^[1], đánh trống đồng hay hát bài “Việt nhân ca”^[2].

Chi tiết trên chứng tỏ đánh nhau là chuyện của lãnh chúa Hoa Hạ, còn dân Việt tỉnh bơ ví dầu nói chuyện trời trăng. Điều này rất quan trọng nhưng độc giả lướt qua vù vù như cưỡi máy bay, yên chí mình đang đọc truyện về dân Tàu. In hết hồi Tân Thuỷ Hoàng sai Triệu Đà, người Hoa thứ thiệt, đi “bình định” vùng Lĩnh Nam. Khi nhà Tần yếu, Triệu Đà xưng làm vua Nam Việt, nhưng dân vẫn cứ là giống Việt “man di”.

Tiếng nước Sở ngày nay đã bị Hoa hóa nhưng giọng nói của dân Hồ Bắc, Hồ Nam vẫn còn giữ thổ âm của tiếng Sở ngày xưa. Người Hoa gọi đó là giọng Hồ Quảng (nơi phát xuất... cải lương Hồ Quảng). Hai tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây gọi là tỉnh Việt. Tiếng Quảng Đông còn gọi là Việt ngữ. Kịch nghệ ở Quảng Đông và Hương Cảng gọi là Việt kịch. Thức ăn của Quảng Đông là Việt thái (tsai). Xin để ý: dân tộc Việt Nam là một thành phần trong khối Yueh/Việt. Nhưng không bao ờ là toàn khối chủng Yueh/Việt cả. Vì vậy những thành tích/khám phá có dính líu đến “người Việt” về phương diện nhân chủng/khảo cổ/văn hoá/... đào bới được ở khắp vùng châu Á không luôn luôn có nghĩa thuộc về người Việt Nam ở Việt Nam. Ngay cả nền văn hoá Hoà Bình thuộc thời đồ đá mới tuy tìm thấy ở tỉnh Hoà Bình, nhưng giới khoa học rất thận trọng, họ không coi nền văn hoá này là của người Việt Nam vì thời đó chưa có nước Việt Nam và người Việt Nam. Ai à chủ nhân thực sự của văn hoá Hoà Bình, vẫn là một câu hỏi.

Chiến tranh

Sử Tà không ghi chép đời sống của dân bản địa. Bộ *Đông Châu liệt quốc* toàn tả lãnh tụ xưng hùng xưng bá. Chỉ biết từ đời Xuân Thu Chiến Quốc 722 TCN đến khi Sở bị Tần diệt năm 223TCN là một thời kỳ hỗn loạn. Dân ở phía Nam sông Dương Tử chịu cảnh binh đao, tàn sát, cướp bóc... hông biết bao nhiêu mà kể. Chính biến, đảo chánh, giành ngôi, phế lập, âm mưu, cướp bóc, lãnh chúa... iên giới các “nước” thay đổi. Có nước bị giải thể. Hàng ngàn nước bị chia cắt, sát nhập lúc vào nước này, lúc vào nước kia.

Khi Tần Thủy Hoàng, “gồm thâu lục quốc” (Hàn, Ngụy, Sở, Triệu, Tề, Yên) một cuộc chiến khủng khiếp kéo dài 9 năm biến giải đất mênh mông từ trung nguyên ^[3] xuống nam Dương tử thành một lò sát sinh khổng lồ.

Gia đình lãnh chúa bị tận diệt đã đành, dân chúng lớp bị giết hàng khối, lớp chạy tan tác trước sức đồng hoá của chủng Hoa Hạ, của chiến tranh, hạn hán, mất mùa... Miền đất chưa bị vó ngựa chủng Hoa rớt tới, chính là vùng mênh mông phía Nam và Tây nước Sở. Bây giờ là vùng Quảng Đông, Quảng Tây, Quế Châu, đồng bằng sông Hồng... Lúc đó chưa miền nào có tên như bây giờ. Muốn đi tới miền này phải vượt qua dãy Đại Ngũ Lĩnh hiểm trở, khí hậu khắc nghiệt, hoàn toàn không hợp với người Hoa Hạ chỉ quen chinh chiến và sống vùng sa mạc. Trong *Đường về Trùng Khánh*, dù đã là năm 1942, tác giả Hàn Tố Âm (Han Suyin) vẫn tả Quế Châu như một vùng rừng núi hoang vu gần như không có ai tới, cách biệt hoàn toàn với thế giới bên ngoài, chỉ có một số người miền núi sinh sống. Thật ra trong quá khứ ngàn năm trước, miền này đã đón nhận hoặc là miền chuyển tiếp rất nhiều đợt chạy loạn.

Bộ mặt của lịch sử Trung Hoa, không phải chỉ ngon lành nào *Hồng lâu mộng*, nào *Tây du ký*, tứ đại giai nhân, thi thánh thi bá... Bộ *Đông Châu liệt quốc* ghi lại 400 năm loạn lạc, cho thấy mạng dân đen (Hoa cũng như Việt) như bèo: Tề Hiếu Công chôn sống hơn hai trăm nội thị và cung nhân trong mồ của cha mình. Mồ của Tần Mục Công táng theo 177 người. Ngô vương Hạp Lư đánh bẫy hơn một vạn nam nữ để tuấn táng cho con gái. Không hiếm những người tinh táo, lệnh dẫn Tôn Thúc Ngao di chúc “Dân nước Sở ta khổ vì việc chiến tranh đã lâu, chúa công nên nghĩ lại mà khiến cho dân được an nghỉ”. Nếu chúa công nghe lời can gián, nước Sở chắc không bị Tần diệt, và bộ mặt địa lý/chính trị của nước Trung Hoa có thể đã khác.

Chiến tranh/nạn đói thời An Lộc Sơn cũng được ghi lại trong 1.500 bài thơ của Đỗ Phủ, nổi tiếng thi hào mà không cần chạy theo chéo áo giai nhân ^[4]. An Lộc Sơn đánh vào Trường An, Đường Huyền Tông chạy trốn, Dương Quý Phi thắt cổ. Trong 8 năm, dân số nhà Đường, kiểm kê năm 754 từ 52.8 triệu người chỉ còn 16.9 triệu.

Lăng mộ của Tần Thủy Hoàng cần tới 70 ngàn người xây cất, con số chôn sống không rõ. Nhà văn Hàn Tố Âm, dù gia đình khá giả ở Bắc Kinh (cha người Bỉ, mẹ người Hoa) cũng nhắc lại điều khủng khiếp ám ảnh bất cứ đứa trẻ Trung Hoa nào: chiến tranh và thiên tai “ba năm liền không có một giọt mưa”. Dân chết đủ kiểu. Kể cả chết đói. Vô cây cũng không còn. Ai còn đi được, đều cố đứng dậy hay lết bằng đầu gối.

Dân Sở thuộc chủng gì?

Dù Kinh Dương Vương là một người thật, hay chỉ là một biểu tượng trong truyền thuyết Hồng Bàng, cũng đều là một pha trộn hai giòng máu Âu và Lạc. ^[5] Đây là mặt mã cốt lõi của truyền thuyết:

- Hai chi Âu-Lạc sống chung ở vùng Động Đình Hồ,
- Cùng dắt díu nhau di tản, và đoạn cuối
- Buồn hơn bất cứ chuyện tình nào: Âu-Lạc phân ly. Thế kỷ 14, tác giả *Lĩnh Nam chích quái* ghi tất cả biến cố bi tráng trên vào mười hàng đặt tên "Truyện thuyết Hồng Bàng". Thời bây giờ, không chắc có cây bút nào có thể viết ngắn/nhiều ý nghĩa đến vậy.

Độc giả có thể kiểm chứng bằng nghiên cứu hay đọc những nghiên cứu ngôn ngữ và lịch sử, thì thấy từng chi tiết của truyền thuyết vẫn còn in dấu trên tình trạng đa sắc tộc và sự hoà huyết, hỗn hợp ngôn ngữ của cư dân có mặt trên mảnh đất Việt Nam. Lịch sử dựng nước của các quốc gia châu Á: Đài Loan, Phi Luật Tân, Nhật, Triều Tiên, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia, Việt Nam,... đều có những điểm giống nhau: hỗn loạn, chia cắt, đánh chiếm, tận diệt, lấn đất, di cư, hoà huyết...

"Nước" Xích Quỷ biến đi đâu?

Không biến đi đâu hết. Ở đâu còn nguyên đó. Đất cũ người cũ. Thêm người mới khoác áo văn hoá mới. Nhìn trên bản đồ, bờ cõi nước Xích Quỷ hầu như phân nửa bờ phía Nam sông Dương Tử: Bắc giáp Động Đình Hồ vĩ tuyến 29 Bắc, phía Nam giáp nước Hồ Tôn (Chiêm Thành) vĩ tuyến 11 Nam, phía Tây giáp Ba Thục (Tứ Xuyên) kinh tuyến 105 Đông, phía Đông giáp bể Nam Hải, kinh tuyến 118 Đông. Tổng cộng diện tích của Xích Quỷ khoảng 2.900.000 cây số vuông. Diện tích Việt Nam bây giờ là 331,688 cây số vuông.

Tại sao thành linh không gian của Lạc Long Quân tức Hùng Vương thứ nhất rộng lớn đến thế, đời Hùng Vương thứ 18 khi bị Thục Phán diệt, chỉ còn lại đồng bằng sông Hồng?

Di cư

Như trên đã nói, một cuộc di tản rất lớn xảy ra, kéo dài hàng mấy trăm năm, trước/sau khi nước Sở bị diệt vong. Đám chi Âu, chi Lạc chạy khỏi địa bàn nước Sở. Khi đi, mang theo tất cả những truyền thuyết tổ tiên đến địa bàn mới. Ngay như tên người Việt bây giờ vẫn tự gọi: người Kinh - để phân biệt với người Thượng - có thể tên châu Kinh đất cũ còn trong ký ức.

Có lẽ nên hiểu truyền thuyết Hồng Bàng là cổ sử của chủng Yueh/Việt, hơn là cổ sử riêng của Việt Nam. Biên cương rộng lớn của Xích Quỷ hé mở đôi điều, nếu hiểu theo quan sát và quan niệm của tác giả truyền thuyết Hồng Bàng về thời lưu cư ở Động Đình Hồ:

1. Chủng Việt, khác với chủng Hoa Hạ
2. Hễ đồng chủng, là cùng một "nước"
3. Có rất nhiều bộ tộc Việt sống xen kẽ trên cùng địa bàn Xích Quỷ

4. Vì xen kẽ, nên mượn qua mượn lại truyền thuyết/cổ tích của nhau
5. Người/tiếng Việt đi tới đâu, biên giới Xích Quỷ đi đến đó
6. Người Trung Hoa bây giờ cũng là một pha trộn = Hoa Hạ + Việt, cả DNA và tiếng nói.
7. Lãnh tụ đầu tiên Lạc Long Quân hoàn toàn thuộc chủng Việt, mang hai giòng máu Âu và Lạc, không lai một chút Hoa Hạ nào hết.

Có “nước” Xích Quỷ không?

Không. Bởi vì:

- Xích Quỷ: chỉ là địa bàn lớn chứa chủng Việt, gồm hàng trăm (hay ngàn) bộ lạc/thị tộc, tình trạng “văn minh” tùy vùng.
- Nước Sở: nhỏ hơn, chứa các nhóm Âu-Lạc.
- Đồng bằng sông Hồng: nhỏ hơn nữa, là một trong những nơi dừng chân cuối cùng của của đám Âu/Lạc di tản. Nơi đó cũng đã có người ở từ trước.

Nước Thái Lan, nước Lào, chi Âu, tình cảnh rất giống Việt Nam. Thái chỉ mới thành lập quốc gia từ thế kỷ 13. Lào lập nước trễ hơn Thái chừng nửa thế kỷ. Cả hai chạy ngược chạy xuôi tìm đất và choảng nhau với dân bản địa. Có những bộ tộc rất oai hùng, nhưng lại không thành lập nổi một quốc gia, ví dụ sắc tộc Karen, sắc tộc H'Mong, và hàng ngàn bộ tộc hiện diện trên đất Trung Hoa, bị Hán hoá hoặc có danh nghĩa “khu tự trị”, nhưng mức độ độc lập luôn là câu hỏi.

“Con Rồng cháu Tiên”

Xin thú thật, là một học trò yêu môn lịch sử, nghe “con rồng cháu tiên, dân Việt mình... siêu hơn dân tộc khác” rất êm tai. Nhưng hôm nay ôn lại những trang sử, bàng hoàng nhận ra một bài học khác: nước Việt sinh ra trong ly loạn, những đoàn người đầu tiên đã cố gắng phi thường mới hội được nước Việt như ngày nay. Cảm xúc trước sự huyền bí của lịch sử là một cảm xúc đẹp. Tuy vậy, kiểu hãnh diện mơ màng “con Rồng cháu Tiên” nhưng không biết rằng nước Việt được tạo dựng trong điều linh, có thể làm biến dạng suy tư của người Việt: làm đứt đoạn, xa rời hẳn với quá khứ. Nếu có đôi điều đặc biệt đáng hãnh diện, đó là trong số hậu duệ của chủng Việt, không có quốc gia nào nắm níu tên “Việt” ngoại trừ dân tộc Việt Nam; và sau gần 3000 năm thăng trầm, sức sống bền bỉ, chấp nhận hoà huyết, sáng tạo tiếng nói, dũng mãnh chống ngoại xâm, mềm dẻo giữ độc lập... mỗi ngày là mỗi cố gắng gượng dậy từ những tang thương dù không hề biết cuối con đường cay đắng hay vinh quang: đó mới là kho báu đích thực và bài học vô cùng quý giá tổ tiên để lại.

Phật Đản 2007, California

© 2007 talawas

[1] Câu 507, Kiều trả lời Kim Trọng khi chàng Kim eo sèo đòi "sex":

*Ra tuồng trên Bộc trong dâu,
Thì con người ấy ai cầu làm chi!*

Sông Bộc: nơi trai gái chúng Việt chiều chiều rủ nhau xuống bãi dâu tình tự nên có thành ngữ "Trên Bộc trong dâu", Nguyễn Du tiên sinh viết theo quan niệm nhà Nho hồi đó, tức cấm đoán nhiều thứ lũng củng.

[2] Nhiều thông tin khác nhau về bài "Việt nhân ca":

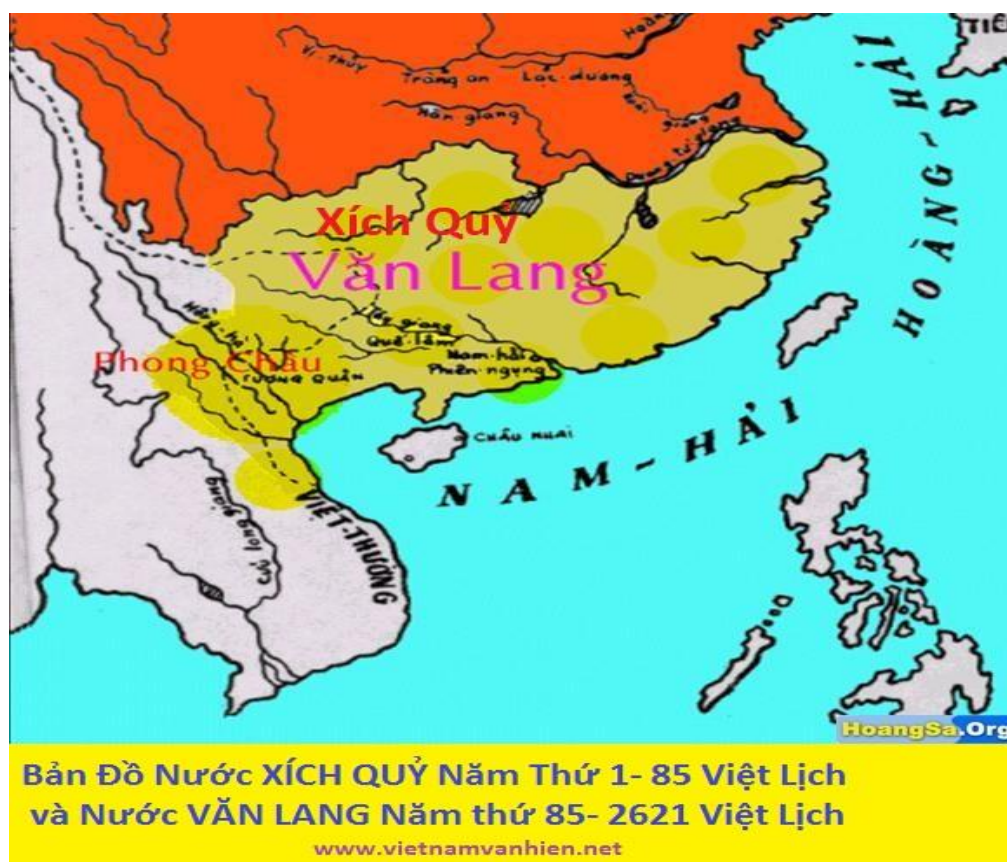
- Dân ca của người Choang
- Bài hát của dân Việt thời Ngô Việt giao tranh. Vương tử Sở là Ngạc Quân Tử Tích thích bài hát nên nhờ chuyển thành Sở tử. Cũng là bài hát trong phim *Đa yển/The Banquet* với Chương Tử Di.

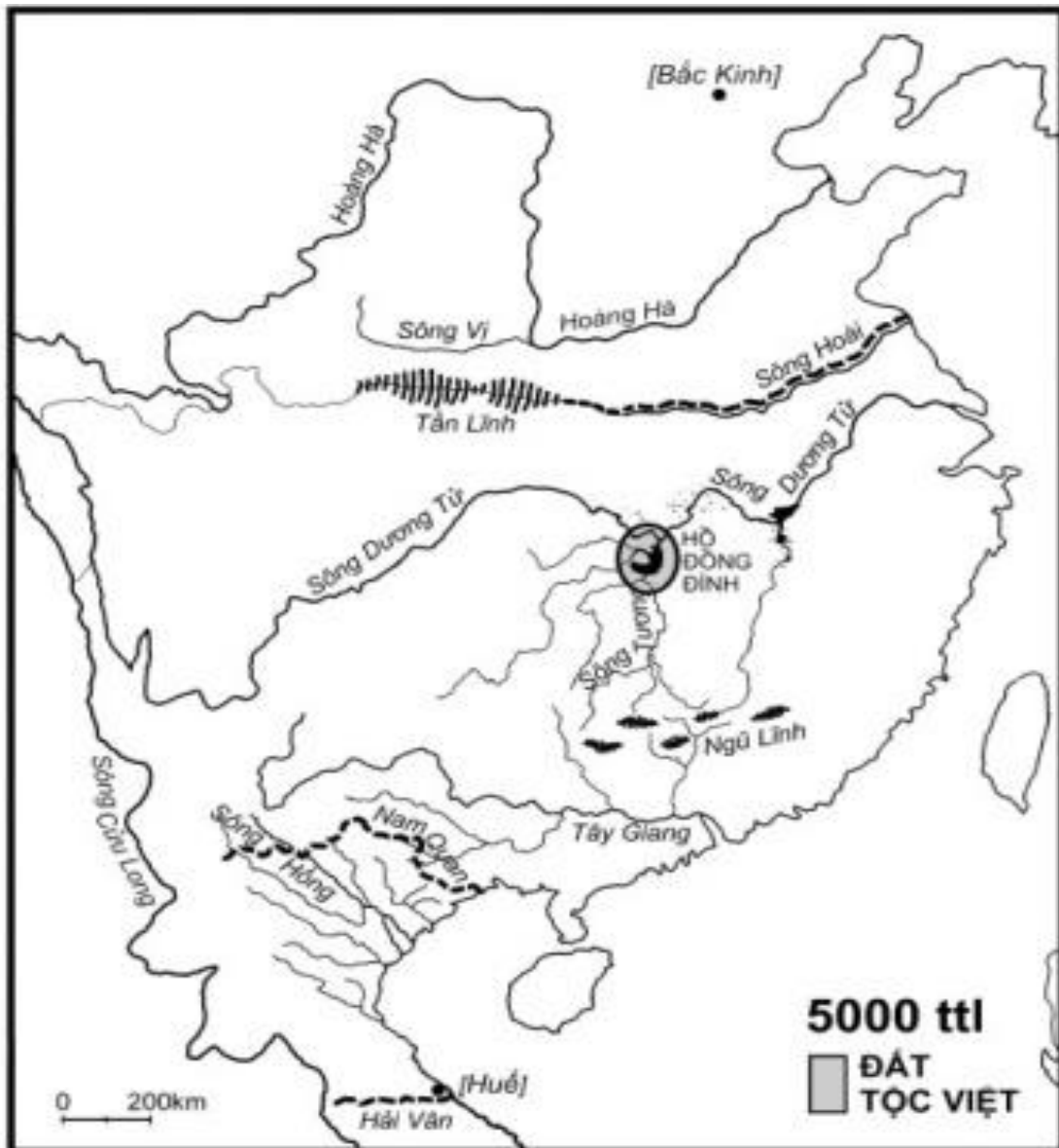
[3] Miền đất giữa Hoàng Hà và Dương Tử.

[4] Đỗ Phủ: tất cả thơ của ông tả cảnh chiến tranh thời An Lộc sơn. Ví dụ: Bài "Vô gia biệt" (Cuộc ly biệt của kẻ không nhà), ông ước "Có ngôi nhà lớn muôn gian để che chở cho kẻ nghèo khắp thiên hạ. Bao giờ nhà lớn sừng sững hiện ra, riêng lều ta nát, chịu chết rét cũng được". Ông bôn ba khắp nơi dâng kế cứu dân cứu nước. Không ngờ về đến nhà mới hay con trai đã chết đói.

[5] Nguyễn Nguyên, "Thử đọc lại truyền thuyết Hùng Vương".

Nguồn: <http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=10505&rb=0302>





Vùng TỘC VIỆT Khởi Nguyên - năm 5000 tti

(dotchuoinon.com)

www.vietnamvanhien.net